

Chương 3: Quy tắc xuất xứ và các thủ tục chứng nhận xuất xứ

1. Tại sao cần quan tâm tới quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP?

Trong thương mại quốc tế, quy tắc xuất xứ hàng hóa được sử dụng để xác định nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Trong các FTA, quy tắc xuất xứ của hàng hóa được sử dụng để xác định xuất xứ của hàng hóa để cho hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA đó.

TPP cũng như vậy, quy tắc xuất xứ hàng hóa trong TPP được sử dụng để xác định xem một sản phẩm hàng hóa nhất định có được coi là xuất xứ của TPP hay không để được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP. Cụ thể, quy tắc xuất xứ TPP yêu cầu các hàng hóa nhập khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thì phải được hình thành hoàn toàn từ các nước TPP hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu và theo quy trình nhất định trong khu vực TPP. Hàng hóa không đáp ứng quy tắc xuất xứ TPP sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này.

Trong văn kiện Hiệp định TPP, các nội dung về xuất xứ được quy định trong 02 Chương, bao gồm:

- Chương 3: Chương này bao gồm các quy định chung về quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ, cùng với các Phụ lục chi tiết, trong đó đáng chú ý có Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể cho từng nhóm hàng hóa (trừ dệt may);
- Chương 4: Chương này có các quy định về các sản phẩm dệt may trong đó có quy tắc xuất xứ riêng đối với các sản phẩm nhóm này.

Lưu ý với doanh nghiệp

Quy tắc xuất xứ là điều kiện để hàng hóa có thể được hưởng ưu đãi thuế quan. Vì vậy doanh nghiệp muốn hưởng ưu đãi thuế quan trong TPP khi xuất hàng sang các thị trường TPP hay khi nhập khẩu hàng hóa về Việt Nam đều cần chú ý nghiên cứu và đáp ứng các quy tắc xuất xứ liên quan tới hàng hóa của mình.

Lưu ý là việc đáp ứng quy tắc xuất xứ phải thực hiện ngay từ đầu (ví dụ từ khâu tìm nguồn nguyên phụ liệu, thiết kế quy trình sản xuất...) nên doanh nghiệp phải quan tâm vấn đề này sớm để thu xếp đáp ứng, không nên để tới thời điểm xuất/nhập hàng hóa mới tìm hiểu.

2. Hàng hóa nào được coi là có xuất xứ TPP?

Mỗi FTA có quy định riêng về quy tắc xuất xứ, áp dụng cho hàng hóa muốn tận dụng ưu đãi thuế quan theo FTA đó.

Theo TPP thì một sản phẩm hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ TPP nếu thuộc một trong ba trường hợp sau đây:

Trường hợp 1: Có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hóa được trồng, thu hoạch hoặc đánh bắt ở trong khu vực TPP. Ví dụ cây trồng, động vật sống, khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên ở các nước TPP.

Trường hợp 2: Hàng hóa được sản xuất toàn bộ trong khu vực TPP và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ từ TPP

Ví dụ, sản phẩm bánh ngọt được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên liệu sô-cô-la có xuất xứ Mỹ, đường Úc và sữa New Zealand (Việt Nam, Mỹ, Úc, New Zealand đều là thành viên TPP) thì được coi là có xuất xứ TPP dạng này..

Trường hợp 3: Hàng hóa được sản xuất tại TPP, sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ TPP nhưng đáp ứng được các Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng quy định trong Phụ lục 3-D của Chương 3

Đây là trường hợp phổ biến nhất (trong bối cảnh sản xuất thường là theo chuỗi, với các nguyên liệu từ và các công đoạn diễn ra ở nhiều nước trên thế giới). Tuy nhiên, đây cũng là nhóm quy tắc xuất xứ phức tạp nhất, và có khác biệt nhiều nhất giữa TPP và các FTA mà Việt Nam đã từng ký kết trước đây.

TPP quy định 03 phương pháp xác định xuất xứ cho trường hợp này, bao gồm:

- Quy tắc chuyển đổi mã hàng hóa (Tariff Shift)
- Quy tắc hàm lượng giá trị nội khối (Regional Value Content)
- Quy tắc công đoạn sản xuất (Production Process)

Với mỗi loại hàng hóa, quy tắc xuất xứ áp dụng cho từng trường hợp có thể là một, một số trong ba loại trên, và/hoặc kết hợp hai, ba loại trên.

Chú ý là mặc dù mỗi nước TPP đưa ra một Biểu cam kết thuế quan riêng, hệ thống quy tắc xuất xứ trong TPP là thống nhất, áp dụng chung cho toàn bộ TPP.

Lưu ý với doanh nghiệp

Mỗi nước TPP có thể có mức thuế ưu đãi khác nhau cho một sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam nhưng yêu cầu về quy tắc xuất xứ là giống nhau và áp dụng chung. Do đó, một sản phẩm xuất khẩu đáp ứng được quy tắc xuất xứ của TPP thì xuất khẩu sang bất kỳ một thị trường TPP nào cũng được hưởng ưu đãi thuế quan.

Để tận dụng ưu đãi thuế quan trong TPP, doanh nghiệp cần tìm hiểu chính xác quy tắc xuất xứ áp dụng cho nhóm hàng hóa của mình. Các quy tắc này quy định tại Phụ lục 3-D Product Specific Rules của Chương 3 TPP. Riêng đối với sản phẩm ô tô thì quy định tại Phụ lục 3-D Automotive của Chương 3 TPP.

3. TPP quy định những phương pháp xác định xuất xứ như thế nào cho hàng hóa có sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ TPP?

TPP quy định 03 phương pháp xác định xuất xứ cho trường hợp hàng hóa có một phần nguyên liệu hoặc công đoạn không nằm trong TPP. Dưới đây là giải thích tóm tắt về nội dung các phương pháp này.

(i) *Chuyển đổi mã hàng hóa* (hay Quy tắc chuyển đổi mã HS)

Quy tắc này đòi hỏi các nguyên liệu không có xuất xứ phải trải qua quá trình sản xuất trong nội khối TPP ở mức đủ làm chuyển đổi bản chất của chúng. Quá trình này phải đủ để làm thay đổi mã HS của nguyên liệu ban đầu, để tạo ra sản phẩm cuối cùng có mã HS khác.

Đây là quy tắc xuất xứ phổ biến trong nhiều FTA. Tuy nhiên, cần chú ý là trong TPP là việc chuyển đổi mã HS trong nhiều trường hợp phải đảm bảo yêu cầu của TPP về việc chuyển từ một/một số mã HS cụ thể sang một mã HS cụ thể.

Ví dụ

Hàng hóa	Quy tắc xuất xứ của TPP	Giải thích
2005.20	A change to a good of subheading 2005.20 from any other chapter, except from heading 07.01, subheading 0710.10, 0711.90, 0712.90 or heading 11.05. Chuyển đổi sang hàng hóa thuộc Phân nhóm 2005.20 từ bất kỳ Chương nào, ngoại trừ các phân nhóm 0710.10, 0711.90, 0712.90 hoặc nhóm 11.05	Tất cả các hàng hóa thuộc Phân nhóm 2005.20 muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP thì tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ phải có mã HS <u>thuộc</u> các Chương khác Chương 20 là Chương của hàng hóa đó, <u>và cũng không thuộc</u> Nhóm 07.01, Phân nhóm 0710.10, 0711.90, 0712.90 hoặc Nhóm 11.05

(ii) *Đáp ứng một tỷ lệ hàm lượng giá trị khu vực (RVC) nhất định (gọi tắt là Quy tắc RVC)*

Quy tắc này xác định một tỷ lệ giá trị nhất định của các nguyên liệu có xuất xứ tối thiểu để hàng hóa cuối cùng được xem là có xuất xứ TPP.

TPP quy định 03 phương pháp tính RVC chung và 01 phương pháp dành riêng cho ô tô, bao gồm:

- Phương pháp giá trị tập trung
- Phương pháp gián tiếp (build-down)
- Phương pháp trực tiếp (build-up)

- Phương pháp tính theo chi phí tịnh (chỉ áp dụng đối với ô tô và phụ tùng ô tô)

Chi tiết về thành phần và nội dung các công thức tính theo từng phương pháp được quy định trong Điều 3.5, Chương 3 của Hiệp định.

Cần chú ý là khi tính RVC, doanh nghiệp được phép cộng gộp tất cả các nguyên liệu có xuất xứ từ bất kỳ nước nào trong số 12 nước TPP (tất cả các nguyên liệu từ TPP đều được xem là nguyên liệu có xuất xứ). Đây là một trong những điểm ưu việt của TPP bởi số lượng thành viên của Hiệp định là rất lớn (12 nước) nên các doanh nghiệp có nhiều quyền lựa chọn trong việc nhập khẩu một phần nguyên liệu từ TPP ở mức đủ đáp ứng yêu cầu RVC khi sản xuất hàng hóa xuất khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan.

(iii) Trái qua công đoạn sản xuất nhất định:

Quy tắc này yêu cầu hàng hóa có một phần xuất xứ ngoài TPP phải trải qua một công đoạn sản xuất nhất định làm thay đổi cơ bản bản chất của hàng hóa tại các nước TPP. Ví dụ, một hóa chất phải trải qua một phản ứng hóa học và biến đổi thành một hàng hóa tại TPP (dù rằng quá trình này không làm thay đổi mã HS của hóa chất đó).

(iv) Quy tắc kết hợp

Trong TPP, đối với một số sản phẩm, TPP yêu cầu cùng lúc hàng hóa phải đáp ứng được đồng thời các quy tắc xuất xứ khác nhau. Phổ biến là các trường hợp quy tắc kết hợp giữa phương pháp RVC và phương pháp chuyển đổi mã HS.

Ví dụ

Hàng hóa (mã HS)	Quy tắc xuất xứ của TPP	Giải thích
89.04 - 89.05	<p>A change to a good of heading 89.04 through 89.05 from any other chapter; or No change in tariff classification required for a good of heading 89.04 through 89.05, provided there is a regional value content of not less than:</p> <p>(a) 30 per cent under the build-up method; or (b) 40 per cent under the build-down method; or (c) 50 per cent under the focused value method taking into account only the nonoriginating materials of chapter 89.</p> <p>Chuyển đổi sang các hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04 đến 89.05 từ bất kỳ Chương nào, hoặc Không yêu cầu phải chuyển đổi mã HS sang các</p>	<p>Với quy tắc xuất xứ này, các hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04-89.05 để được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP thì có hai cách:</p> <p>i. Tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ phải có mã HS nằm ngoài Chương 89, hoặc</p> <p>ii. Đáp ứng được tỷ lệ RVC theo một trong ba phương pháp trực tiếp, gián tiếp hoặc</p>

	<p>hàng hóa thuộc Nhóm từ 89.04 đến 89.05, nhưng phải đáp ứng được hàm lượng RVC tối thiểu là:</p> <p>(a) 30% theo phương pháp trực tiếp, hoặc</p> <p>(b) 40% theo phương pháp gián tiếp, hoặc</p> <p>(c) 50% theo phương pháp giá trị tập trung chỉ tính đến các nguyên liệu không có xuất xứ của Chương 89</p>	<p>giá trị tập trung</p>
--	--	--------------------------

Lưu ý với doanh nghiệp

TPP quy định về các phương pháp xác định quy tắc xuất xứ với các tên gọi khá quen thuộc với các doanh nghiệp Việt Nam qua các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của mỗi phương pháp tính quy tắc xuất xứ này trong TPP lại có nhiều khác biệt so với phương pháp cùng tên trong các FTA khác.

Vì vậy, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ về quy định, công thức tính toán của từng quy tắc xuất xứ liên quan tới hàng hóa của mình trong TPP (được quy định trong Chương 3 của Hiệp định), tránh hiểu nhầm rằng với cùng tên gọi thì quy tắc xuất xứ trong TPP cũng giống như quy tắc xuất xứ mà mình biết và đã đang thực hiện trong các FTA hoặc GPS hiện nay.

4. Quy tắc xuất xứ của TPP quy định về Tỷ lệ không đáng kể (De minimis) như thế nào?

TPP quy định đối với hàng hóa sản xuất từ các nguyên liệu không có xuất xứ không đáp ứng được yêu cầu về chuyển đổi mã HS như quy định trong phụ lục 3-D (Quy tắc cụ thể mặt hàng) thì vẫn được coi là có xuất xứ nếu giá trị của các nguyên liệu đó chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể (De minimis), cụ thể là không vượt quá 10% giá trị của hàng hoá.

Quy định này chỉ được áp dụng cho trường hợp sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ để sản xuất ra một sản phẩm khác.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với các sản phẩm dệt may (các sản phẩm dệt may có quy định riêng về Tỷ lệ không đáng kể) và với một số mặt hàng được quy định cụ thể trong Phụ lục 3-C (Các ngoại trừ đối với Nguyên tắc De minimis) trong Chương 3 của Hiệp định.

Lưu ý với doanh nghiệp

Quy định về Tỷ lệ không đáng kể (thường là 10%) là quy định khá phổ biến trong các FTA mà Việt Nam đã ký. Đây là một trong những trường hợp linh hoạt cho phép hàng hóa

không đáp ứng được quy tắc xuất xứ theo Hiệp định nhưng có tỷ lệ nguyên liệu không có xuất xứ không đáng kể vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP.

Ngoài ra, trong Chương 3 về quy tắc xuất xứ của Hiệp định còn nhiều quy định linh hoạt khác, ví dụ như cho phép các chi phí vận tải, bảo hiểm, đóng gói... được tính vào hay không tính vào giá trị của nguyên liệu. Do đó doanh nghiệp cần tìm hiểu thật kỹ tất cả các nội dung về quy tắc xuất xứ trong Chương 3 của TPP để tìm cách đáp ứng theo cách có lợi nhất để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

5. Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong TPP có gì đặc biệt?

Về thủ tục chứng nhận xuất xứ, TPP yêu cầu áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, trong đó đối tượng được tự chứng nhận xuất xứ bao gồm cả **người nhập khẩu, người xuất khẩu và người sản xuất**.

Đây là một cơ chế chứng nhận xuất xứ rất mới đối với Việt Nam bởi hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải xin chứng nhận xuất xứ tại một cơ quan có thẩm quyền do Nhà nước chỉ định (Bộ Công Thương hoặc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam). Và Việt Nam mới chỉ đang bắt đầu đưa vào thí điểm một số trường hợp tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN.

Cơ chế này cũng khác so với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ phổ biến ở Hoa Kỳ là chỉ người nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ, hay cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của EU là người xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của TPP (cho phép cả ba đối tượng người nhập khẩu, người xuất khẩu hoặc người sản xuất được tự chứng nhận xuất xứ) được đánh giá là một cơ chế linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình xuất khẩu.

Tuy nhiên, TPP không bắt buộc Việt Nam phải áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, cụ thể:

- *Đối với hàng nhập khẩu*, Việt Nam (và Brunei, Malaysia, Mexico, Peru) được phép bảo lưu chưa áp dụng hình thức nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
- *Đối với hàng xuất khẩu*, các nước (trong đó có Việt Nam) có thể áp dụng song song hai hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ dưới đây trong 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực (và có thể gia hạn thêm 5 năm nữa):
 - + Một cơ quan có thẩm quyền cấp (tức là vẫn như quy trình cấp chứng nhận xuất xứ hiện tại của Việt Nam), hoặc
 - + Một nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ.

TPP có quy định khá chi tiết về các thủ tục, điều kiện ràng buộc về thời hạn, về cách thức mà các nước phải tuân thủ khi quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ theo từng trường hợp cụ thể. Đáng chú ý là các quy định về việc điều tra xác minh thông tin xuất xứ, về việc lưu giữ chứng từ chứng minh, về bảo mật...từ góc độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Lưu ý với doanh nghiệp

Thủ tục chứng nhận xuất xứ theo TPP không chỉ mới về *hình thức chứng nhận* (doanh nghiệp “tự chứng nhận” thay vì cơ quan Nhà nước cấp chứng nhận) mà còn mới về mới về *chủ thể chứng nhận* (cả nhà nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất đều có quyền tự chứng nhận). Do đó việc thực thi sẽ rất khác so với cơ chế duy nhất về chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền mà các cơ quan Nhà nước và các doanh nghiệp Việt Nam trước nay từng biết. Vì vậy, doanh nghiệp ngoài việc cần tìm hiểu về cơ chế này để áp dụng, còn cần chủ động có ý kiến với các cơ quan Nhà nước liên quan để thiết lập, vận hành, điều chỉnh cơ chế mới theo hướng thuận lợi nhất cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, mặc dù phía Việt Nam chưa phải thực hiện ngay thủ tục chứng nhận xuất xứ mới này, một số nước nhập khẩu có thể đã/sẽ áp dụng thủ tục này ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Do đó nếu đối tác nhập khẩu muốn tự chứng nhận xuất xứ, doanh nghiệp Việt Nam cần chú ý cẩn trọng khi cung cấp các thông tin về nguồn, giá cả, cách thức mua bán nguyên vật liệu... để có thể vừa giữ quan hệ làm ăn với đối tác vừa không đánh mất bí mật kinh doanh.

6. Các trường hợp đặc thù về giấy chứng nhận xuất xứ?

- ***Không cần giấy chứng nhận xuất xứ mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan***

TPP quy định đối với các hàng hoá có xuất xứ TPP có giá trị hải quan không vượt quá 1.000 Đô la Mỹ thì sẽ không cần giấy chứng nhận xuất xứ mà vẫn được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định. Trong các FTA đã ký của Việt Nam cũng có quy định này nhưng thường đối với hàng hóa có giá trị hải quan thấp hơn, ví dụ như FTA Việt Nam-Hàn Quốc là 600 Đô la Mỹ, FTA Việt Nam-Liên minh Kinh tế Á Âu là 200 Đô la Mỹ.

- ***Nhiều lô hàng chung một giấy chứng nhận xuất xứ:***

Trường hợp này được chấp nhận nếu xuất khẩu nhiều lần (nhiều lô hàng) *cùng một hàng hoá* và trong giấy chứng nhận xuất xứ có nêu cụ thể về khoảng thời gian xuất khẩu nhiều lần đó – khoảng thời gian này không được vượt quá 12 tháng.

7. Người nhập khẩu có thể nộp giấy chứng nhận xuất xứ để yêu cầu ưu đãi thuế quan sau khi đã nhập khẩu hàng hoá không?

TPP cho phép các nhà nhập khẩu khi nhập khẩu một hàng hoá được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định nhưng tại thời điểm nhập khẩu chưa nộp giấy chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế thì trong vòng 01 năm kể từ ngày nhập khẩu (hoặc có thể dài hơn theo quy định của nước nhập khẩu) có thể nộp giấy chứng nhận xuất xứ của hàng hoá đó và yêu cầu hoàn trả lại số tiền thuế chênh lệch đã nộp.